

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/KDTM-PT

Ngày 25/3/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính; Ông Nguyễn Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Viết Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLPT- KDTM, ngày 06 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2021/KDTM-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2021/QĐXXPT-KDTM, ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần tập đoàn H.

Địa chỉ: Số 9, Đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố Bình Dương, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc Trí - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh Trùng, sinh năm 1980; Ông Nguyễn Hữu Tài, sinh năm 1993; Cùng địa chỉ: Công ty Cổ phần Tập đoàn H, chi nhánh Bắc Ninh, quốc lộ 17, thôn Đ, xã X, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (đều có mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất thép T.

Địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Tr- chức vụ: Giám đốc (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Khắc Th, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

Người kháng cáo: Công ty cổ phần tập đoàn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Theo sự phân quyền của công ty cổ phần tập đoàn H (sau đây gọi là công ty H), ngày 01/01/2019, công ty cổ phần tập đoàn H - chi nhánh Bắc Ninh và công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thép T (sau đây gọi là công ty T) ký hợp đồng nguyên tắc số TA/2019/HĐNT về việc mua bán tôn, thép dày. Cửa hàng Quế Võ của chi nhánh H - Bắc Ninh là đơn vị trực tiếp xác nhận đặt hàng, thông báo giao hàng, nhận tiền thanh toán, giao hàng, xuất hóa đơn bán hàng...với công ty T.

Theo hợp đồng nguyên tắc thì từ ngày 02/01/2019 đến ngày 03/9/2019, chi nhánh H Bắc Ninh đã bán cho công ty T các đơn hàng tôn lạnh màu, thép hộp mạ kẽm và thép ống nhúng kẽm đúng, đủ theo thỏa thuận với tổng giá trị đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 3.517.703.300đ. Cụ thể:

- Tháng 01/2019 (từ ngày 02/01/2019 đến ngày 30/01/2019), chi nhánh H - Bắc Ninh đã bán cho công ty T tổng các đơn hàng thành tiền là 779.173.009đ và công ty T đã thanh toán tổng số tiền là 334.378.000đ, còn nợ số tiền là 444.795.009đ. Ngày 31/1/2019, hai bên đã lập Biên bản đối chiếu công nợ. Theo đó, công ty T xác nhận còn nợ chi nhánh H - Bắc Ninh số tiền là 444.795.009đ.

- Tháng 02/2019 (từ ngày 14/02/2019 đến ngày 27/02/2019), chi nhánh H - Bắc Ninh đã bán cho công ty T tổng các đơn hàng thành tiền là 212.310.517đ, cộng với số nợ còn lại của tháng 01/2019 là 444.795.009đ. Tổng số nợ mà công ty T nợ chi nhánh H - Bắc Ninh là 657.105.526đ. Công ty T đã thanh toán số tiền là 556.497.017đ, còn nợ số tiền là 100.608.509đ. Ngày 28/02/2019, hai bên lập Biên bản đối chiếu công nợ, xác định công ty T xác nhận còn nợ chi nhánh H - Bắc Ninh số tiền là 100.608.509đ.

- Tháng 3/2019 (từ ngày 02/3/2019 đến ngày 31/3/2019), chi nhánh H - Bắc Ninh đã bán cho công ty T tổng các đơn hàng thành tiền là 1.027.989.638đ cộng số nợ còn lại của tháng 02/2019 là 100.608.509đ, tổng nợ là 1.128.598.150đ. Tháng 3/2019, công ty T đã thanh toán tổng số tiền là 346.768.000đ, còn nợ là 781.830.147đ. Ngày 31/3/2019, Hai bên đã lập biên bản đối chiếu công nợ xác định công ty T xác nhận còn nợ chi nhánh H - Bắc Ninh số tiền là 781.830.147đ.

Trong tháng 4/2019 (từ ngày 21/4/2019 đến ngày 30/4/2019), chi nhánh H - Bắc Ninh đã bán cho công ty T tổng các đơn hàng thành tiền là 495.294.884đ cộng số nợ của tháng 3/2019 là 781.830.147đ, tổng nợ là 1.277.125.031đ. Công ty T đã

thanh toán là 659.662.000đ, còn nợ là 617.463.031đ. Ngày 30/4/2019, hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ, xác định số tiền còn nợ lại là 617.463.031đ.

Trong tháng 5/2019 (từ ngày 01/5/2019 đến ngày 31/5/2019), chi nhánh H - Bắc Ninh đã bán cho công ty T tổng các đơn hàng thành tiền là 407.097.144đ, cộng số nợ của tháng 4/2019 là 617.463.031đ, tổng số nợ là 1.024.560.175đ. Công ty T đã thanh toán số tiền là 401.610.000đ, còn nợ số tiền là 622.950.175đ. Ngày 31/5/2019, Hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ, xác định số tiền còn nợ lại là 622.950.175đ.

Trong tháng 6/2019 (từ ngày 01/6/2019 đến ngày 03/6/2019), chi nhánh H - Bắc Ninh đã bán cho công ty T tổng các đơn hàng thành tiền là 199.841.999đ cộng số nợ của tháng 05/2019 là 622.950.175đ, tổng số nợ là 822.792.174đ. Công ty T đã thanh toán số tiền là 185.000.000đ, còn nợ số tiền là 637.792.174đ. Ngày 30/6/2019, hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ, xác định số tiền còn nợ lại là 637.792.174đ.

Trong tháng 7/2019 (từ ngày 18/7/2019 đến ngày 19/7/2019), chi nhánh H - Bắc Ninh đã bán cho công ty T tổng các đơn hàng thành tiền là 73.664.617đ cộng số nợ còn lại của tháng 6/2019 là 637.792.174đ, tổng số nợ là 711.456.791đ. Công ty T đã thanh toán cho chi nhánh H - Bắc Ninh tổng số tiền là 212.000.000đ, còn nợ số tiền là 499.456.791đ. Ngày 31/7/2019, hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ, xác định số tiền còn nợ lại là 499.456.791đ.

Trong tháng 8/2019 (từ ngày 01/8/2019 đến ngày 11/8/2019), chi nhánh H - Bắc Ninh đã bán cho Công ty T tổng các đơn hàng thành tiền là 260.754.082đ, cộng số nợ còn lại của tháng 7/2019 là 499.456.791đ, tổng số nợ tính đến ngày 12/8/2019 là 760.210.873đ. Ngày 12/8/2019, Công ty T và chi nhánh H - Bắc Ninh lập biên bản đối chiếu công nợ, xác định công ty T còn nợ chi nhánh H - Bắc Ninh số tiền là 760.210.873đ.

Từ ngày 13/8/2019 đến ngày 31/8/2019, Công ty T không thanh toán khoản tiền nào và không có bất kỳ ý kiến khiếu nại gì về số nợ còn lại là 760.210.873đ mà công ty T đang nợ Chi nhánh H - Bắc Ninh. Như vậy, điều này cho thấy công ty T đồng ý số nợ này là đúng.

Ngày 03/9/2019, chi nhánh H - Bắc Ninh đã bán cho công ty T tổng các đơn hàng thành tiền là 61.577.410đ. Tổng cộng nợ là 821.788.283đ (đã bao gồm khoản nợ là 760.210.873đ của tháng 8/2019 chuyển sang). Tổng số nợ này vẫn giữ nguyên đến ngày 13/9/2019.

Ngày 17/10/2019, công ty T đã thanh toán 80.000.000đ;

Ngày 27/12/2019, công ty T đã thanh toán 100.000.000đ;

Ngày 22/01/2020, công ty T đã thanh toán 130.000.000đ;

Ngày 06/11/2020, công ty T đã thanh toán 169.829.265đ;

Tổng số tiền chuyển khoản và tiền mặt công ty T đã trả cho chi nhánh H - Bắc Ninh là 3.175.743.283đ.

Tổng tiền hàng mà công ty T mua của chi nhánh H - Bắc Ninh là 3.517.703.300đ. Công ty T đã thanh toán là 3.175.744.282đ. Số tiền còn lại công ty T chưa thanh toán là 341.959.018đ.

Chi nhánh H - Bắc Ninh đã giao hàng đúng, đủ theo thỏa thuận nhưng đến nay (đã quá 60 ngày kể từ ngày thông báo giao hàng), công ty T không thực hiện việc thanh toán cho chi nhánh H - Bắc Ninh.

Do vậy, Công ty cổ phần tập đoàn H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, buộc công ty T trả tổng số nợ chưa thanh toán là 341.959.018đ cho Công ty cổ phần tập đoàn H.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 13/9/2019, giữa chi nhánh H - Bắc Ninh và công ty T đã lập biên bản làm việc để xác định lại số tiền mà công ty T còn nợ chi nhánh H - Bắc Ninh (tính đến ngày 13/9/2019). Theo nội dung biên bản này, chi nhánh H - Bắc Ninh khẳng định công ty T còn nợ chi nhánh H - Bắc Ninh số tiền mua hàng là 821.788.283đ. Chi nhánh H - Bắc Ninh vẫn luôn bảo lưu ý kiến là công ty T còn nợ chi nhánh H - Bắc Ninh là 821.788.283đ, không đồng ý với ý kiến của công ty T là còn nợ 479.829.265đ.

Sau biên bản làm việc vào ngày 13/9/2019 đến ngày 30/9/2019, phía công ty T không có bất kỳ ý kiến phản đối gì gửi đến chi nhánh H - Bắc Ninh về việc còn nợ số tiền là 821.788.283đ.

Sau ngày 30/9/2019 thì đến ngày 17/10/2019, hai bên không phát sinh giao dịch mua bán, công ty T thanh toán thêm bằng chuyển khoản cho chi nhánh H - Bắc Ninh là 80.000.000đ. Như vậy số tiền mà công ty T còn nợ chi nhánh H - Bắc Ninh là 741.801.289đ.

Ngày 12/11/2019, chi nhánh H - Bắc Ninh và công ty T xác lập biên bản đối chiếu công nợ. Trong nội dung biên bản này, tính đến ngày 11/11/2019, chi nhánh H - Bắc Ninh khẳng định công ty T còn nợ chi nhánh H - Bắc Ninh số tiền là 741.801.289đ (sau khi trừ số tiền 80.000.000đ đã thanh toán vào ngày 17/10/2019). Chi nhánh H - Bắc Ninh luôn khẳng định công ty T còn nợ chi nhánh H - Bắc Ninh là 741.801.289đ, không chấp nhận việc công ty T cho rằng chỉ còn nợ chi nhánh H - Bắc Ninh số tiền là 399.829.265đ (sau khi trừ đi số tiền đã thanh toán là 80.000.000đ vào ngày 17/10/2019). Tính đến ngày 12/11/2019, công ty T vẫn còn nợ chi nhánh H - Bắc Ninh số tiền là 741.801.289đ.

Sau khi lập biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/11/2019, công ty T thanh toán cho chi nhánh H - Bắc Ninh thêm 03 đợt như sau:

- Ngày 27/12/2019, Công ty T đã thanh toán 100.000.000đ.
- Ngày 22/01/2020, Công ty T đã thanh toán 130.000.000đ
- Ngày 06/11/2020, Công ty T đã thanh toán 169.829.265đ.

Sau khi công ty T thanh toán cho chi nhánh H - Bắc Ninh thêm 399.829.265đ thì công ty T còn nợ chi nhánh H - Bắc Ninh là 341.959.018đ. Số nợ còn lại này đến nay công ty T chưa thanh toán cho chi nhánh H - Bắc Ninh.

Do công ty T đều từ đầu đến cuối đều ký xác nhận vào các biên bản đối chiếu công nợ, thừa nhận số nợ này như vậy công ty T đã thừa nhận có việc mua bán hàng hóa và phát sinh số nợ nêu trên. Đối với số tiền còn nợ là 341.959.018đ, công ty T không đưa ra được chứng cứ đã trả nên Công ty T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty H số tiền này.

Việc công ty T cho rằng đã thanh toán hết nợ cho Chi nhánh H - Bắc Ninh và không có nợ khoản tiền nào là không đúng, không có căn cứ để chấp nhận ý kiến này.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là Ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Công ty T và cửa hàng Quế Võ của chi nhánh H - Bắc Ninh đã gắn bó hợp tác từ năm 2017. Đầu mỗi năm dương lịch giữa hai bên lại ký lại hợp đồng nguyên tắc để xác định phần chiết khấu được hưởng mà công ty H áp dụng cho công ty T căn cứ vào doanh thu năm trước. Do bán được doanh số lớn nên công ty T được áp dụng mức chiết khấu cao hơn các đại lý khác.

Ngày 01/01/2019, giữa công ty T và chi nhánh H- Bắc Ninh có ký hợp đồng nguyên tắc số TA/2019/HĐNT về việc mua bán tôn, thép dày. Quá trình thực hiện hợp đồng từ tháng 01 đến 31/8/2019, công ty T có mua của cửa hàng Quế Võ của chi nhánh H - Bắc Ninh tổng số tiền hàng là 1.036.925.571đ. Tại thời điểm tháng 9 năm 2019, công ty T phát hiện nội bộ nhân viên cửa hàng Quế Võ thuộc chi nhánh H- Bắc Ninh đã mượn danh nghĩa của công ty T bán hàng cho các đơn vị khác và thu nợ không đảm bảo làm ảnh hưởng uy tín, danh dự của công ty T. Do vậy, công ty T đã dừng lại không mua bán với chi nhánh H - Bắc Ninh nữa để tiến hành làm rõ số tiền nợ thực tế của công ty T còn nợ là bao nhiêu. Sau khi xem xét thì công ty T xác định được tổng số tiền công ty nợ công ty H tính đến hết ngày 30/9/2019 là 479.829.265đ. Từ ngày 12/8/2019 đến ngày 30/9/2019, hai công ty đã làm việc nhiều lần với nhau để xác định số tiền còn nợ của công ty T nhưng chi nhánh H - Bắc Ninh chỉ đưa ra được các biên bản chốt công nợ mà không đưa ra được các hóa đơn mua bán có xác nhận của nhân viên công ty T. Hơn nữa, nhân viên của cửa hàng Quế Võ,

chi nhánh H - Bắc Ninh thừa nhận việc ghi hóa đơn điện tử mang tên công ty T nhưng thực tế xuất bán hàng cho đại lý khác. Do tin tưởng việc làm ăn lâu năm giữa hai bên nên ông đều ký vào biên bản chốt công nợ hàng tháng mà không kiểm tra, đối chiếu với sổ sách của công ty T. Khi phát hiện sự việc, ông đã yêu cầu chi nhánh H - Bắc Ninh kiểm tra số nợ thực tế để chốt nợ cụ thể. Sau đó hai bên làm việc T về số tiền còn nợ nên ngày 30/9/2019 đã lập biên bản đối chiếu công nợ xác định số tiền nợ là 479.829.265đ. Biên bản chốt công nợ được ký giữa công ty T và giám đốc chi nhánh H - Bắc Ninh là ông Hưng. Ngày 17/10/2019, công ty T trả số tiền 80.000.000đ. Tại bản thông báo ngày 24/12/2019 của chi nhánh H- Bắc Ninh cũng đề nghị công ty T trả số tiền nợ còn lại là 399.829.265đ. Công ty T đã tiến hành chuyển khoản cho chi nhánh H - Bắc Ninh số tiền cụ thể là:

Ngày 27/12/2019 trả 100.000.000đ.

Ngày 22/01/2020 trả 130.000.000đ.

Ngày 06/11/2020 trả 169.829.265đ

Tổng số tiền công ty T đã trả công ty cổ phần tập đoàn H là 479.829.265đ đúng như biên bản chốt công nợ giữa hai bên ngày 30/9/2019.

Nay công ty H khởi kiện yêu cầu công ty T trả số tiền nợ gốc theo hóa đơn bán hàng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/9/2019 là 341.959.018 công ty không đồng ý vì đã thanh toán hết cho công ty H và đến nay không còn nợ đồng nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm Ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Theo các hóa đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn cung cấp thì rất nhiều hóa đơn ghi hàng hóa công ty T mua là thép hộp nhưng trên thực tế công ty T mua đa số là tôn còn mặt hàng thép hộp do giá của H cao hơn đơn vị khác nên T chỉ mua một vài lần còn sau không mua nữa. Quá trình hợp tác mua bán hàng hóa giữa Công ty T và cửa hàng Quế Võ của chi nhánh H – Bắc Ninh, do hai bên đã hợp tác với nhau nhiều năm, có sự tin tưởng nên khi nhân viên của cửa hàng Quế Võ bảo ông ký vào các biên bản chốt công nợ thì ông thừa nhận có ký vào các biên bản chốt công nợ hàng tháng, cũng không kiểm tra cụ thể vì cả hai đều có sổ theo dõi riêng và thường có sự đối chiếu lẫn nhau gửi qua Zalo điện thoại, việc thanh toán là theo hóa đơn bán hàng chứ không căn cứ vào biên bản chốt công nợ, biên bản chốt công nợ là do nhân viên của Cửa hàng Quế Võ mang đến cho ông ký, ông cũng đồng ý ký vì biên bản chốt công nợ là để xác định số liệu để cấp trên của cửa hàng Quế Võ theo dõi và báo về tập đoàn không phải căn cứ xác định số nợ của công ty T trên thực tế. Hơn nữa việc thanh toán theo hạn mức công nợ được quy định trong hợp đồng nguyên tắc chứ không phải theo biên bản chốt công nợ hàng tháng. Tuy nhiên, sau ngày 03/9/2019 khi phát hiện thấy chi nhánh H – Bắc Ninh báo số công nợ không đúng theo đơn đặt hàng nên công ty T đã dừng việc mua

bán với Công ty H để tiến hành đối chiếu công nợ. Sau khi xem sổ sách kế toán của công ty, công ty T xác định số tiền còn nợ là 479.829.265đ. Thời gian đó, giữa chi nhánh H - Bắc Ninh và công ty T làm việc với nhau rất nhiều lần và tại biên bản chốt công nợ ngày 30/9/2019, hai bên đã xác định số nợ của công ty T là 479.829.265đ. Toàn bộ số tiền này, sau đó công ty T đã thanh toán cho chi nhánh H – Bắc Ninh. Nay công ty H khởi kiện công ty T yêu cầu T phải trả số tiền là 341.959.018đ thì ông không đồng ý vì công ty T đã thanh toán tiền hàng đầy đủ, không còn nợ bất cứ số tiền nào.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Khắc Thiết trình bày: Thực tế có việc bán hàng xuất hóa đơn mang tên T để bán hàng cho các cửa hàng lẻ khác để lấy doanh số đạt chỉ tiêu do công ty đề ra. Theo ông nhớ thì đến tháng 10/2019, thì công ty T còn nợ công ty H khoảng hơn 400 triệu. Việc công ty H cho rằng đến tháng 10/2019, công ty T còn nợ H khoảng 741.801.289đ là không đúng”. Ông Thiết cũng khẳng định, công ty T chỉ nợ công ty H số tiền 479.829.265đ, còn số nợ 341.959.018đ không phải là tiền hàng hóa của công ty T.

Ông Hoàng Minh Hưng- Giám đốc chi nhánh H - Bắc Ninh năm 2019 trình bày: Số nợ thực tế của công ty T không đúng như biên bản đối chiếu công nợ mà tập đoàn H đang theo dõi, số tiền chênh lệch trong đó bao gồm số hàng hóa bán cho các đại lý khác anh Thiết chưa thu hồi được. Nếu anh Thiết phối hợp và đi thu hồi các khoản nợ này để nộp về tập đoàn H thì sẽ không có tranh chấp xảy ra.

Từ những nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 30; 35; 147; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24;34; 50; 51; 55 Luật thương mại; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần tập đoàn H về việc yêu cầu công ty TNHH sản xuất thép T phải trả số tiền hàng còn nợ là 341.959.018đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/10/2021, công ty cổ phần tập đoàn H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, tranh luận giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo; bị đơn trình bày, tranh luận giữ nguyên ý kiến của mình. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án

đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của công ty cổ phần tập đoàn H nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Giữa công ty cổ phần tập đoàn H và công ty T có hoạt động mua bán hàng hóa với nhau. Mỗi năm giữa công ty T với chi nhánh H Bắc Ninh đều ký hợp đồng nguyên tắc với nhau, bởi chi nhánh H Bắc Ninh được công ty cổ phần tập đoàn H phân quyền ký các hợp đồng trong phạm vi chức năng của mình.

Xét yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần tập đoàn H đối với công ty T thì thấy: Giữa hai công ty có hoạt động mua bán hàng với nhau nhiều năm. Cho đến tháng 9 năm 2019, thì hai bên không mua bán hàng hóa với nhau nữa. Theo công ty H thì sau khi ngừng mua hàng từ công ty H thì công ty T vẫn nợ công ty H số tiền hàng là 341.959.018đ. Còn công ty T cho rằng sau khi ngừng mua hàng hai bên đã chốt công nợ với số tiền là 479.829.265đ vào ngày 30/9/2019. Sau khi có biên bản chốt công nợ thì công ty T đã trả cho công ty H được số tiền 80.000.000đ. Và tại thông báo của chi nhánh H Bắc Ninh ngày 24/12/2019 cũng đề nghị công ty T trả số tiền 399.829.648đ. Toàn bộ số tiền này bên công ty T đã trả đủ cho công ty H. Do đó, công ty T không còn nợ tiền hàng công ty H. Bản án sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty H.

Sau khi bản án sơ thẩm xử nguyên đơn là công ty cổ phần tập đoàn H có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm xử. Xét kháng cáo của nguyên đơn thì thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn là công ty T có hoạt động mua bán hàng hóa với nhau. Từ ngày 01/01/2019 đến 30/9/2019, giữa công ty H và công ty T có hoạt động mua bán hàng hóa với nhau. Sau đó, cuối tháng 9/2019 giữa hai bên có biên bản chốt công nợ. Theo nguyên đơn từ khi chốt công nợ đến nay thì công ty T chưa trả cho nguyên đơn nốt số tiền hàng còn nợ lại. Để chứng minh cho

yêu cầu khởi kiện của mình phía nguyên đơn cung cấp 90 phiếu bán hàng. Theo trình bày của nguyên đơn thì:

Tháng 01/2019 công ty T mua của chi nhánh H, Bắc Ninh theo hóa đơn giá trị gia tăng thì số tiền mua là 779.173.009đ nhưng không có phiếu bán hàng và có biên bản chốt công nợ số tiền là 779.173.009đ;

Tháng 2, tổng số tiền hàng theo hóa đơn giá trị gia tăng là 173.379.510đ, phiếu bán hàng là 173.379.510đ, biên bản chốt công nợ là 212.310.517đ;

Tháng 3, theo hóa đơn giá trị gia tăng tiền hàng là 1.055.768.608đ; phiếu bán hàng là: 932.253.903đ và biên bản chốt công nợ là: 1.027.989.638đ;

Tháng 4, theo hóa đơn giá trị gia tăng là 460.145.495đ; theo phiếu bán hàng là: 368.350.989đ và biên bản chốt công nợ là: 495.294.884đ;

Tháng 5, theo hóa đơn giá trị gia tăng là :393.172.965đ; theo phiếu bán hàng là: 393.172.965đ và theo biên bản chốt công nợ là: 407.097.144đ;

Tháng 6, theo hóa đơn giá trị gia tăng là: 199.841.999đ; theo phiếu bán hàng là: 199.842.004đ và theo biên bản chốt công nợ: 199.841.999đ;

Tháng 7, theo hóa đơn giá trị gia tăng là: 73.664.617đ; theo phiếu bán hàng là: 73.665.003đ và theo biên bản chốt công nợ là: 73.664.617đ;

Tháng 8, theo hóa đơn giá trị gia tăng là 260.754.082đ; theo phiếu bán hàng là: 573.857.974đ và theo biên bản chốt công nợ là: 260.754.082đ;

Tháng 9 theo hóa đơn giá trị gia tăng là 61.577.410đ và phiếu bán hàng là: 61.594.897đ nhưng không có biên bản chốt công nợ riêng tháng 9.

Có thể thấy có sự không trùng khớp giữa hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu bán hàng và biên bản chốt công nợ hàng tháng. Hơn nữa, theo các phiếu bán hàng mà công ty H cung cấp thì có cả phiếu bán hàng của năm 2020 và 2021. Số phiếu bán hàng có đầy đủ chữ ký là 32 phiếu; trong khi đó phiếu bán hàng chỉ có chữ ký của cửa hàng trưởng là 3 phiếu; phiếu bán hàng không có chữ ký của cửa hàng trưởng là 19 phiếu; phiếu bán hàng không có chữ ký của khách hàng là 21 phiếu; phiếu bán hàng không có chữ ký là 21 phiếu. Đối với một số phiếu bán hàng có chữ ký người nhận hàng mà nguyên đơn cho rằng là nhân viên của công ty T thì phía công ty T chỉ thừa nhận đúng một số chữ ký còn lại là không phải. Hơn nữa, theo hợp đồng nguyên tắc đã ký giữa hai bên vào ngày 01/01/2019 hai bên đã có thỏa thuận về phương thức giao hàng là: “Hai bên kiểm tra chi tiết hàng hóa. Người nhận hàng sẽ đại diện bên mua ký các biên bản giao nhận hàng hóa”. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hàng căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng tuy nhiên hóa đơn giá trị gia tăng là do hóa

đơn điện tử không có chữ ký số hoặc chữ ký thực tế của người mua hàng và bị đơn không thừa nhận. Nguyên đơn không cung cấp được đầy đủ phiếu mua hàng theo đúng hợp đồng nguyên tắc đã ký giữa hai bên và không xác định được chính xác số lượng hàng đã bán cho bị đơn. Hơn nữa, tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/11/2019 giữa ông Hưng là giám đốc chi nhánh H và ông Trường- giám đốc công ty T thì biên bản đối chiếu công nợ tính từ ngày 14/02/2019 đến ngày 03/9/2019. Biên bản này xác định số dư đầu kỳ tổng số tiền phải thu là 2.684.638.291đ trong đó đã thu là 1.942.837.002đ, còn nợ là 741.801.289đ. Nhưng theo nguyên đơn trình bày thì số nợ của công ty T nợ công ty H đến tháng 01 là 799.173.009đ và đã trả được 334.378.000đ, số tiền còn nợ lại là 444.795.009đ. Số nợ này được cộng dồn sang tháng 02/2019. Theo biên bản đối chiếu công nợ này thì số tiền công ty T còn nợ là 741.801.289đ sau khi trừ số tiền 399.829.265đ mà công ty T xác nhận còn nợ đến ngày 12/11/2019 thì công ty T còn nợ là 341.972.024đ. Số nợ này phù hợp với số tiền nguyên đơn khởi kiện nhưng mâu thuẫn với số tiền hàng phát sinh của tháng 01/2019.

Không những thế tổng số tiền hàng năm 2019 của hàng Quế Võ chi nhánh H bán cho công ty T là 3.517.703.300đ, số tiền công ty T đã trả cho công ty H là 3.175.744.282đ. Nếu cộng số tiền theo biên bản chốt công nợ này và số tiền hàng hóa phát sinh tháng 01/2019 thì số tiền sẽ là $2.684.638.291đ + 779.173.009đ = 3.463.811.228đ$, số tiền còn nợ sẽ phải là $741.801.289đ + 444.795.009đ$ (tiền còn nợ tháng 01/2019) $= 1.186.596.289đ$, số tiền T sẽ phải trả là 399.829.265đ (số nợ T xác định theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/11/2019) $+ 444.795.009đ$ (số tiền còn nợ của tháng 01/2019) $= 786.767.033đ$. Nhưng theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn cho rằng bị đơn chỉ còn nợ số tiền là 341.959.018đ. Như vậy, có sự mâu thuẫn về số tiền theo biên bản chốt công nợ và số tiền mà nguyên đơn trình bày về việc mua bán hàng hóa của hai bên từ tháng 01/2019 đến 03/9/2019.

Ông Nguyễn Khắc Thiết nguyên là cửa hàng trưởng cửa hàng Quế Võ cũng như ông Hoàng Minh Hưng là giám đốc chi nhánh H Bắc Ninh cũng thừa nhận có việc nhân viên của cửa hàng Quế Võ chi nhánh H Bắc Ninh bán hàng cho cửa hàng khác nhưng lấy hóa đơn mang tên công ty T nên số tiền mà nguyên đơn khởi kiện không phải là tiền công ty T nợ mà là tiền của các cửa hàng khác nợ.

Từ những phân tích trên có thể thấy bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của công ty H là có căn cứ. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn là công ty cổ phần H cũng không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ nên kháng cáo của công ty H đề nghị hủy toàn

bộ bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận cần bác toàn bộ kháng cáo của công ty H và giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

[3]. Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên công ty H Việt Nam phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Căn cứ Điều 30; 35; 147; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24; 34; 50; 51; 55 Luật thương mại; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần tập đoàn H về việc yêu cầu công ty TNHH sản xuất thép T phải trả số tiền hàng còn nợ là 341.959.018đ.

2. Án phí: Công ty cổ phần tập đoàn H phải chịu 17.098.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ 8.598.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0002682 ngày 07/5/2021 và 2.000.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền số 0004838 ngày 11/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quế Võ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Bình